TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29** /2019/DS-ST
Ngày 02-10-2019
V/v:"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Trung Thành
Bà Nguyễn Thị Tài

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hà Vi -Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà***: Bà Vũ Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 92/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 37 ngày 22/8/2019, Thông báo thay đổi lịch xét xử số 11/TB TA ngày 12/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **H**, sinh năm 1966
Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà **B**, sinh năm 1966
Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông **N**
Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

- Ông **T**, sinh năm 1966
Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2019 và trong quá trình giải quyết bà H trình bày*:**

Vào ngày 15/11/2018 (dương lịch), bà H cho vợ chồng bà B, ông N vay số tiền 25.000.000 đồng, hai bên có lập giấy viết tay do bà B trực tiếp viết và ký tên, bà H đã giao tiền cho bà B nhận tại nhà bà H, thời hạn trả nợ là ngày 31/12/2018, không thỏa thuận lãi suất, mục đích để trả lãi ngân hàng. Đến hạn, bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà B và ông N khất nợ không trả.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà B và ông N có trách nhiệm trả số tiền vay là 25.000.000 đồng cho vợ chồng bà H và T, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do bà B vắng mặt.

Sau đó bà H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nữa.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà B có trách nhiệm phải trả cho vợ chồng bà H và T số tiền 25.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét; Về án phí buộc bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: bà H yêu cầu Tòa án buộc bà B và ông N phải trả số tiền vay là 25.000.000 đồng vì cho rằng chưa thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Do vậy xác định quan hệ *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, đối chiếu tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, lời trình bày của các bên thấy rằng:

Vào ngày 15/11/2018, bà H có cho bà B vay số tiền 25.000.000 đồng, hai bên có lập giấy viết tay do bà B trực tiếp viết nội dung và ký tên, thời hạn trả nợ là ngày 31/12 nhưng nay xác định được ngày 31/12/2018 sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất.

Xét thấy giấy vay tiền ngày 15/11/2019 được giao kết giữa bà H và bà B là tự nguyện, bà B thừa nhận có vay tiền 25.000.000 đồng của bà H nêu trên nhưng do khó khăn chưa trả được. Bà H cho rằng bà cho cả ông N vay tiền nhưng bà B không thừa nhận, mà trong giấy vay tiền không có chữ ký của ông N nên không có cơ sở xem xét buộc ông N phải có trách nhiệm cùng với bà B để trả số tiền trên cho bà H.

Từ những cơ sở phân tích trên, có đủ cơ sở buộc bà B phải trả cho bà H số tiền vay 25.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Số tiền bà H cho bà B vay là tài sản chung giữa bà H và ông Thanh nên buộc bà B phải trả cho bà H và ông T là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận một phần nên buộc bà Bt phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" đối với bị đơn bà B.

Buộc bà B phải trả cho bà H và ông T số tiền vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn), bà H không yêu cầu tính lãi phát sinh.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015".

2. Về án phí: Buộc bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng. Bà H được nhận lại số tiền 625.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2016/0012937 ngày 08/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Biên